

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

I- Khái niệm: Bảng cân đối kế toán là một bảng báo cáo tài chính tổng hợp dùng để khái quát toàn bộ tài sản và nguồn hình thành tài sản đó tại một thời điểm nhất định.

II- Biểu hiện phương pháp tổng hợp cân đối.

1- Giá trị biểu hiện: Tiền.

2- Tại một thời điểm nhất định.

Đặc điểm:

Số liệu chỉ phản ánh tình trạng tài chính tại thời điểm lập báo cáo.

Có tính tổng kết toàn bộ giá trị tài sản và nguồn hình thành tài sản sau một quá trình sản xuất kinh doanh.

3- Tác dụng:

Thấy được toàn bộ giá trị tài sản hiện có, hình thái vật chất của tài sản, nguồn hình thành tài sản đó.

Đánh giá khái quát tình hình tài chính, sự biến động tăng giảm của nguồn vốn chủ sở hữu.

4- Nội dung và kết cấu của bảng: Xuất phát từ yêu cầu biểu hiện hai mặt khác nhau của tài sản trong doanh nghiệp: Tài sản gồm những gì và tài sản do đâu mà có nên kết cấu của bảng được xây dựng theo 2 bên hoặc hai phần:

A- PHẦN TÀI SẢN:

Phản ánh giá trị tài sản hiện có tại thời điểm lập báo cáo của tất cả đối tượng thuộc nhóm tài sản (theo tính lưu động giảm dần). Phần tài sản được chia làm 2 loại lớn:

- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn.
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn.

B- PHẦN NGUỒN VỐN:

Phản ánh giá trị tài sản hiện có tại thời điểm lập báo cáo của tất cả đối tượng thuộc nhóm nguồn vốn theo thời hạn thanh toán tăng dần. Phần nguồn vốn được chia làm 2 loại lớn:

- Nợ phải trả.
- Nguồn vốn chủ sở hữu.

Trong từng loại còn chia thành nhiều mục, nhiều khoản để phản ánh chi tiết theo yêu cầu quản lý chung theo những quy định và sắp xếp thống nhất.

Hai bên của bảng phản ánh hai mặt khác nhau tài sản trong doanh nghiệp nên giữa chúng có mối quan hệ mật thiết với nhau. Xét về mặt lượng thì bao giờ cũng có:

| | | |
|--------------|---|------------------------------------|
| Tài sản | = | Nguồn vốn |
| Tổng tài sản | = | Nợ phải trả + Nguồn vốn chủ sở hữu |

Tính bằng nhau biểu hiện tính cân đối. Tính cân đối là tính chất cơ bản của Bảng Cân Đối Kế Toán.

VD: Phân biệt tài sản và nguồn vốn cho một cho một doanh nghiệp theo các thông tin sau (Lập bảng cân đối kế toán):

| | |
|-----------------------------|-------------|
| -Tiền mặt tại quỹ | 30.000.000 |
| -NVL trong kho trị giá | 100.000.000 |
| Hình thành từ: nhà nước cấp | 70.000.000 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 30.000.000 |
| - Máy móc thiết bị trị giá | 500.000.000 |
| Nhà nước cấp | 100.000.000 |
| Vốn của các thành viên góp | 300.000.000 |
| Vay dài hạn | 100.000.000 |

5- Xét tính cân đối của bảng:

Khái niệm: Nghiệp vụ kinh tế phát sinh là sự kiện làm biến động tài sản, nguồn vốn trong doanh nghiệp. Điều kiện đề là nghiệp vụ kinh tế: Liên quan đến ít nhất hai đối tượng kế toán và phải có giá trị cụ thể.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các loại tài sản và nguồn vốn luôn biến động (tăng lên hoặc giảm xuống) do tác động của các nghiệp vụ kinh tế. Vậy sự biến động của tài sản và nguồn vốn có làm phá vỡ tính chất cân đối của bảng cân đối kế toán?

| Tài sản | SDDK | Nguồn vốn | SDDK |
|--------------------|-------------|--------------------|------------|
| A.TSLĐ&ĐTNH | 165.000.000 | A.NỢ PHẢI TRẢ | 75.000.000 |
| Tiền mặt | 20.000.000 | Vay ngắn hạn | 30.000.000 |
| Tiền gửi ngân hàng | 35.000.000 | Phải trả người bán | 35.000.000 |
| Nguyên vật liệu | 50.000.000 | Phải nộp nhà nước | 10.000.000 |
| Công cụ dụng cụ | 10.000.000 | | |
| Thành phẩm | 50.000.000 | | |

| | | | |
|----------------|--------------|------------------|-------------|
| B.TSCĐ&ĐTDH | 70.000.000 | B. NGUỒN VỐN CSH | 160.000.000 |
| TSCĐ hữu hình | 100.000.000 | Vốn kinh doanh | 140.000.000 |
| Hao mòn TSCĐHH | (30.000.000) | Quỹ | 20.000.000 |
| Tổng Tài sản | 235.000.000 | Tổng Nguồn vốn | 235.000.000 |

Mặc dù các nghiệp vụ kinh tế đa dạng nhưng nói chung ảnh hưởng của chúng lên tài sản và nguồn vốn làm thay đổi bảng không ngoài 4 trường hợp sau:

- **Trường hợp 1:** Liên quan 2 khoản mục một bên Tài sản: khoản mục này tăng, khoản mục kia thì giảm.

Vd: Rút tiền gửi ngân hàng 5.000.000đ nhập quỹ tiền mặt.

Phân tích: Tiền gửi ngân hàng giảm 5.000.000đ

Tiền mặt tăng 5.000.000đ

- **Trường hợp 2:** Liên quan 2 khoản mục một bên Nguồn vốn: khoản mục này tăng, khoản mục kia thì giảm.

Vd: DN vay ngắn hạn 10.000.000đ trả nợ cho người bán.

Phân tích: Vay ngắn hạn tăng: 10.000.000đ

Phải trả người bán giảm: 10.000.000đ

- **Trường hợp 3:** Liên quan khoản mục hai bên bảng: các khoản mục này cùng tăng.

Vd: Mua nguyên liệu nhập kho chưa trả tiền người bán 20.000.000đ.

Phân tích: Nguyên liệu tăng: 20.000.000đ

Phải trả người bán tăng: 10.000.000đ

- **Trường hợp 4:** Liên quan khoản mục hai bên bảng: các khoản mục này cùng giảm.

Vd: DN sử dụng tiền gửi ngân hàng trả nợ vay ngắn hạn ngân hàng 10.000.000đ.

Phân tích: Tiền gửi ngân hàng giảm: 10.000.000trđ.

Vay ngắn hạn giảm: 10.000.000trđ.

Nhận xét chung:

- Mỗi NVKT phát sinh liên quan ít nhất 2 khoản mục trên bảng CĐKT
- Nếu NVKT phát sinh chỉ ảnh hưởng đến những khoản mục ở một bên của bảng CĐKT thì số tổng cộng ở phần tài sản và phần nguồn vốn vẫn không thay đổi (Nvụ 1 & 2).
- Nếu NVKT phát sinh đồng thời ảnh hưởng đến những cả hai phần của bảng CĐKT thì số tổng cộng ở 2 phần thay đổi, cùng tăng hoặc cùng giảm (Nvụ 3 & 4).

- Trong mọi trường hợp khi có NVKT phát sinh, tính chất cân đối của bảng không bị phá vỡ nghĩa là:

$$\text{TỔNG CỘNG TÀI SẢN} = \text{TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN}$$